

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp cận ngưỡng 1,260 ngay khi mở cửa phiên sáng, tuy nhiên lực bán tại đây đã đẩy chỉ số đi xuống và sau cùng chỉ số đóng cửa tại mốc 1,231.81 điểm, giảm gần 23 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Truyền thông, Hóa chất dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Bán lẻ, Du lịch và giải trí, Dịch vụ tài chính,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Phiên giảm điểm hôm nay thanh khoản không quá lớn, nhưng không thể loại bỏ trường hợp VN-Index tiếp tục quán tính giảm xuống vùng 1,210 – 1,220. Trong trường hợp tích cực, lực cầu bắt đáy có thể xuất hiện tại ngưỡng 1,230 và đẩy chỉ số hồi phục trở lại.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 23/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-22.83** điểm, đóng cửa tại **1231.81** điểm. HNX-Index **-3.78** điểm, đóng cửa tại **234.6** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **FPT (+0.51)**, **VNM (+0.26)**, **VPI (+0.19)**, **SSB (+0.19)**, **VIC (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-2.32)**, **GVR (-1.99)**, **MBB (-1.62)**, **CTG (-1.60)**, **TCB (-1.02)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,089** tỷ đồng, giảm **-15.62%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,027 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.93 điểm. Thị trường có **83** mã tăng, 41 mã tham chiếu, **373** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-127.47** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DGC (-129.17 tỷ)**, **TCH (-30.71 tỷ)**, **VHM (-29.28 tỷ)**, **FUEVFNVD (-26.99 tỷ)**, **DXG (-24.87 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-32.86** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **-0.44%**. Các mã diễn biến tích cực: **FPT (+2.26%)**, **PVD (+1.83%)**, **HSG (+1.09%)**.
- BSC50 **-0.66%**. Các mã diễn biến tích cực: **HAH (+3.21%)**, **VRE (+1.00%)**, **PLX (+0.97%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.44%	-0.66%	-1.82%	-1.59%
1 tuần	-2.24%	-4.42%	-2.07%	-0.31%
1 tháng	-1.65%	-1.00%	-0.97%	-1.40%
3 tháng	10.41%	11.62%	6.96%	6.55%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,231.81	234.60	94.40
% 1D	-1.82%	-1.59%	-1.31%
GTGD (tỷ VND)	16,089	1,048	1,093
%1D	-15.62%	-35.40%	-3.58%
GDNN (tỷ VND)	-127.47	-32.86	0.93

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	99.57	DGC	-129.17
VCB	40.52	TCH	-30.71
BCM	32.88	VHM	-29.28
BID	26.56	FUEVFNVD	-26.99
FUESSVFL	21.17	DXG	-24.87

Thị trường thế giới

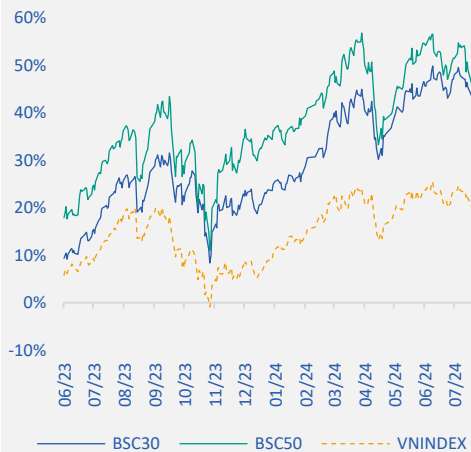
		%D	%W
SPX	5,564	1.08%	-1.19%
FTSE100	8,192	-0.09%	0.33%
Eurostoxx	4,916	0.22%	-0.72%
Shanghai	2,915	-1.65%	-2.05%
Nikkei	39,628	0.12%	-4.01%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	82.52	0.15%
Giá vàng	2,395	-1.89%
Tỷ giá		
USD/VND	25,477	0.01%
EUR/VND	28,360	0.11%
JPY/VND	161	-0.18%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	2.8%	-0.01%
LS LNH 1M	4.9%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



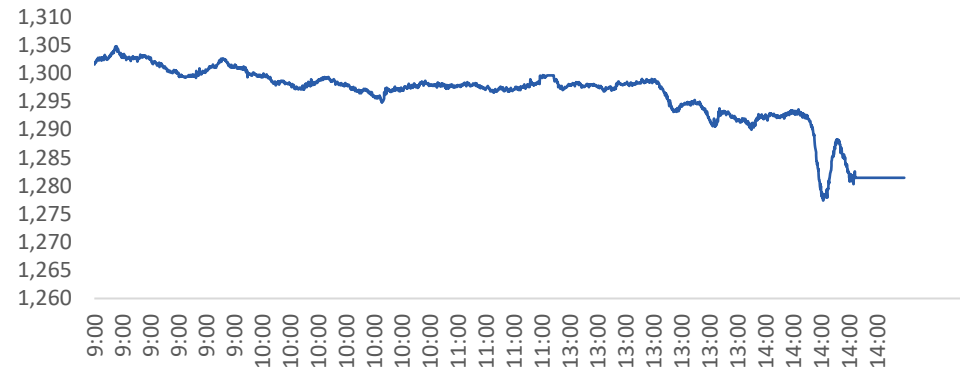
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1286.9	-1.09%	343	-14.25%	9/19/2024	58
VN30F2412	1287.9	-1.14%	74	-64.4%	12/19/2024	149
VN30F2503	1287.8	-1.37%	26	-21.21%	3/20/2025	240
VN30F2408	1284.2	-1.22%	212824	-21.54%	8/15/2024	23

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -20.64 điểm, đóng cửa tại 1278.67 điểm. Biên độ dao động 27.42 điểm. Các cổ phiếu như MBB, MWG, ACB, VPB, STB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- Áp lực bán mạnh trong phiên chiều khiến VN30 mất hơn 20 điểm so với phiên trước. NĐT nên thận trọng quan sát diễn biến của thị trường trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều giảm. Xét về vị thế mở, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVPB2314	8/9/2024	17	808,700	27.75%	24.00	20	100.0%	0.00	24.08	18.85	18.85
CFPT2313	8/9/2024	17	24,800	16.31%	100.00	4,760	5.5%	2.71	147.60	126.90	126.90
CVPB2321	8/21/2024	29	63,000	9.97%	18.00	390	5.4%	0.18	20.73	18.85	18.85
CFPT2317	11/21/2024	121	56,900	-54.57%	10.10	3,170	5.3%	7.80	57.65	126.90	126.90
CFPT2314	1/9/2025	170	240,700	-50.99%	10.00	5,220	4.8%	11.71	62.20	126.90	126.90
CFPT2310	8/5/2024	13	17,500	-44.11%	8.45	7,900	4.6%	14.98	70.92	126.90	126.90
CTCB2307	8/5/2024	13	200	-21.59%	3.30	3,890	4.6%	5.20	18.39	23.45	23.45
CSTB2327	8/9/2024	17	85,500	7.89%	32.00	70	0.0%	0.06	32.42	30.05	30.05
CVNM2310	8/9/2024	17	18,900	21.67%	80.00	30	0.0%	0.00	80.30	66.00	66.00
CHPG2342	11/21/2024	121	27,900	-63.64%	2.18	880	-1.1%	2.84	10.18	28.00	28.00
CTCB2309	9/25/2024	64	29,200	-28.95%	3.39	4,560	-1.9%	6.90	16.66	23.45	23.45
CMWG2316	8/23/2024	31	3,200	-65.65%	4.80	2,870	-2.0%	9.89	22.02	64.10	64.10
CTCB2310	10/9/2024	78	193,000	-27.29%	3.39	1,760	-3.8%	2.59	17.05	23.45	23.45
CVPB2312	8/5/2024	13	117,200	14.48%	21.00	290	-6.5%	0.01	21.58	18.85	18.85
CMBB2314	8/9/2024	17	17,500	2.42%	20.00	1,350	-7.5%	1.21	25.40	24.80	24.80
CMBB2318	9/23/2024	62	219,200	-63.70%	1.76	1,850	-8.0%	5.89	9.00	24.80	24.80
CACB2307	8/21/2024	29	814,600	19.43%	25.00	720	-8.9%	0.11	29.32	24.55	24.55
CMWG2310	8/5/2024	13	500	1.25%	54.50	2,080	-9.2%	1.94	64.90	64.10	64.10
CMBB2317	8/21/2024	29	192,200	2.02%	20.00	1,060	-11.7%	0.98	25.30	24.80	24.80
CVIB2307	8/21/2024	29	87,600	7.48%	21.00	500	-15.3%	0.27	23.00	21.40	21.40

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 23/07/2024, các chứng quyền biến động theo xu hướng suy yếu của cổ phiếu cơ sở.
- CVHM2313 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 16.67%. CHPG2333 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.91%.
- CVRE2313, CVPB2314, CVNM2310, CACB2307, và CFPT2313 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2310, CVNM2404, CVNM2403, CVNM2315, và CMWG2401 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	125.50	1.13%	1.63
VNM	65.90	0.76%	0.44
SSB	21.45	1.42%	0.44
VJC	106.00	0.66%	0.22
VIC	40.85	0.25%	0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
MBB	23.90	-5.16%	-3.76
MWG	62.50	-4.29%	-3.33
ACB	24.00	-3.03%	-2.70
VPB	18.40	-2.13%	-1.98
STB	29.00	-3.33%	-1.93

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
FPT	125.50	1.13%	0.51	1.46
VNM	65.90	0.76%	0.26	2.09
VPI	67.00	4.69%	0.19	0.24
SSB	21.45	1.42%	0.19	2.50
VIC	40.85	0.25%	0.10	3.82

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGS	31.70	8.56%	0.10	0.05
KSF	40.20	1.01%	0.09	0.30
KSV	37.50	1.08%	0.06	0.20
BCF	33.00	6.45%	0.05	0.03
DHT	71.50	0.70%	0.03	0.08

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
S4A	42.80	7.00%		0.00
ADP	33.30	6.90%		0.01
ITD	14.90	6.81%		0.34
SRC	40.95	5.81%		0.00
HTL	18.35	5.76%		0.00

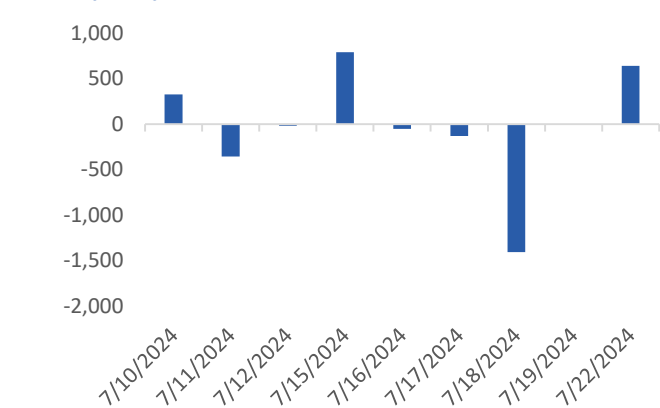
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DTC	31.00	9.93%	0.02	0.00
SDN	5.90	9.26%	0.02	0.17
PGS	31.50	8.62%	0.03	0.00
CAN	31.70	8.56%	0.52	0.01
BXH	43.40	8.50%	0.07	0.00

Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	46.00	-3.56%	-2.32	5.70
GVR	30.60	-6.56%	-1.99	4.00
MBB	23.90	-5.16%	-1.62	5.31
CTG	32.40	-3.71%	-1.60	5.37
TCB	23.05	-2.54%	-1.02	7.05

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MBS	31.20	-5.45%	-0.55	0.44
SHS	17.10	-3.93%	-0.40	0.81
IDC	57.80	-2.69%	-0.38	0.33
VCS	67.00	-3.32%	-0.26	0.16
PVS	40.50	-1.22%	-0.17	0.48

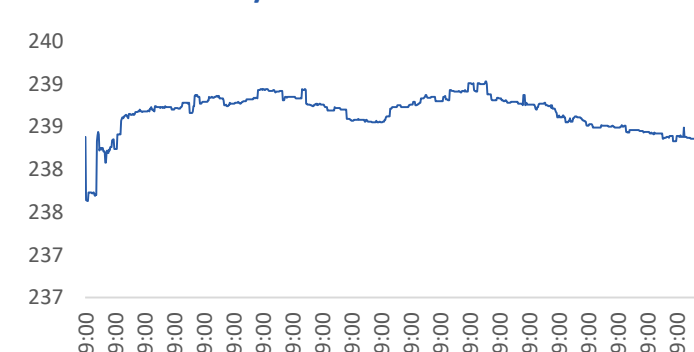
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CSV	7.85	-6.99%		0.32
PET	25.95	-6.99%		1.89
HVN	22.65	-6.98%		0.76
STK	30.00	-6.98%		0.08
VFG	76.30	-6.95%		0.23

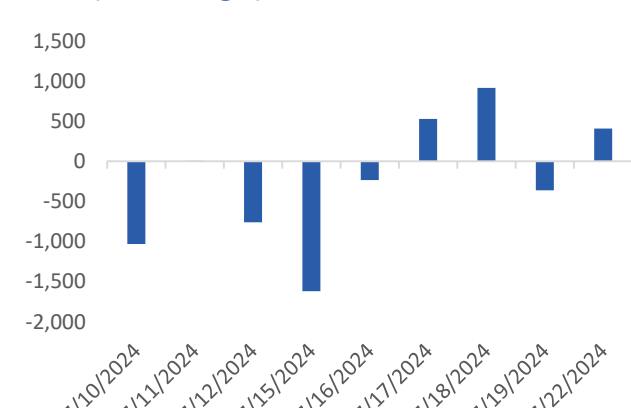
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CMS	15.70	-9.77%	-0.15	0.44
ARM	26.90	-9.73%	-0.03	0.00
PPP	15.80	-9.71%	-0.05	0.00
PTD	7.70	-9.41%	-0.01	0.00
L40	19.50	-9.30%	-0.02	0.00

Hình 2
HNX-Index Intraday



Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	87.5	-0.20%	0.6	19,330	4.9	5,838	15.0	-	23.2%	Link
BID	Ngân hàng	46.0	-3.60%	1.1	10,364	6.1	3,841	12.0	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.4	-2.10%	1.0	5,770	13.0	1,397	13.2	-	26.7%	Link
TCB	Ngân hàng	23.0	-2.50%	1.1	6,418	11.4	5,600	4.1	-	21.8%	Link
MBB	Ngân hàng	23.9	-5.20%	0.9	5,013	45.2	3,818	6.3	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	29.0	-3.30%	1.1	2,161	13.7	4,206	6.9	-	23.2%	Link
CTG	Ngân hàng	32.4	-3.70%	1.3	6,877	12.6	3,751	8.6	-	26.1%	Link
ACB	Ngân hàng	24.0	-3.00%	0.8	4,237	14.3	4,072	5.9	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	33.8	-2.30%	1.2	2,019	17.0	1,704	19.9		42.6%	Link
IDC	Xây dựng	57.8	-2.70%	1.2	754	3.0	5,880	9.8	65,700	24.1%	Link
HPG	VLXD	27.8	-0.90%	1.2	7,028	16.5	1,601	17.4	41,500	24.4%	Link
HSG	VLXD	22.6	-1.10%	1.7	550	9.8	1,423	15.9	25,300	20.4%	Link
VHM	BĐS	37.8	-0.10%	1.0	6,514	7.3	5,326	7.1	108,300	15.7%	Link
KDH	BĐS	35.5	-1.70%	1.4	1,122	2.9	726	48.9	44,500	39.6%	Link
NLG	BĐS	41.1	0.20%	1.4	625	3.3	1,040	39.5	-	49.4%	Link
DGC	Hóa chất	108.4	-4.90%	1.4	1,627	23.9	7,845	13.8	115,000	18.9%	Link
DCM	Phân bón	35.0	-2.60%	1.3	733	6.3	2,313	15.2	38,700	8.5%	Link
GAS	Dầu khí	76.8	-0.30%	0.6	6,972	2.0	4,688	16.4	-	1.9%	Link
PVS	Dầu khí	40.5	-1.20%	1.1	765	3.5	1,992	20.3	57,000	21.6%	Link
PVD	Dầu khí	27.4	0.50%	1.3	603	3.5	1,200	22.9	38,400	16.2%	Link
POW	Dầu khí	12.8	-4.50%	0.8	1,189	5.9	350	36.8	17,100	4.0%	Link
VHC	Thủy sản	72.0	-0.70%	1.2	639	1.9	3,774	19.1	108,500	29.6%	Link
GMD	Logistics	76.6	-1.80%	0.9	940	2.9	8,430	9.1	90,400	48.1%	Link
VNM	Bán lẻ	65.9	0.80%	0.6	5,444	9.8	4,408	15.0	93,100	50.1%	Link
MSN	Bán lẻ	71.0	-1.70%	1.3	4,246	9.5	215	329.7	110,000	28.5%	Link
MWG	Bán lẻ	62.5	-4.30%	1.3	3,612	22.7	717	87.1	-	46.8%	Link
PNJ	Bán lẻ	93.8	-0.40%	0.9	1,240	3.6	5,860	16.0	118,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	62.0	-6.90%	1.7	409	11.6	2,200	28.2	66,600	24.4%	Link
FPT	Bán lẻ	125.5	1.10%	1.0	7,244	26.3	4,889	25.7	107,900	45.2%	Link
CTR	Hạ tầng	122.0	-4.80%	1.3	552	2.5	4,582	26.6	-	10.4%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	25.0	-1.00%	0.9	2,884	8.5	3,809	6.6	1.6	18.2%	25.4%
VIB	Ngân hàng	21.1	-1.20%	1.1	2,116	3.3	3,315	6.4	1.4	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	17.8	-4.60%	1.2	1,545	10.0	2,050	8.7	1.1	28.4%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.4	-3.70%	1.1	1,142	5.1	2,310	6.3	0.9	29.4%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.0	-2.20%	1.0	1,235	3.9	1,147	15.7	1.4	2.9%	10.1%
HCM	Chứng khoán	25.6	-3.60%	1.6	711	6.6	1,397	18.3	1.7	45.1%	8.3%
VCI	Chứng khoán	46.0	-2.90%	1.7	804	6.1	1,763	26.1	2.3	19.2%	7.1%
VND	Chứng khoán	15.7	-1.90%	1.5	945	4.0	1,591	9.9	1.4	12.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	41.0	-6.90%	1.7	362	1.0	2,165	18.9	1.7	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	17.1	-3.90%	1.7	550	4.8	1,076	15.9	1.3	9.0%	5.7%
CTD	Xây dựng	65.5	-1.90%	1.2	259	1.9	2,709	24.2	0.8	47.1%	2.3%
HHV	Xây dựng	11.3	-2.20%	1.5	193	0.8	833	13.6	0.5	8.2%	4.2%
LCG	Xây dựng	10.8	-2.30%	1.6	82	0.6	655	16.5	0.8	2.3%	4.6%
SZC	Xây dựng	36.6	-2.10%	1.2	260	1.6	1,549	23.6	2.2	3.1%	13.4%
SIP	Xây dựng	75.5	-4.40%	1.3	624	1.7	5,701	13.2	3.6	1.6%	26.9%
PHR	BĐS KCN	56.6	-1.70%	1.1	303	0.3	3,448	16.4	2.1	18.4%	18.3%
DIG	BĐS	23.3	-2.90%	1.7	562	5.3	(38)	-606.9	1.9	4.2%	2.1%
CEO	BĐS	15.7	-2.50%	1.3	319	1.9	312	50.4	1.4	4.8%	2.4%
KBC	BĐS KCN	26.5	-1.50%	1.5	804	2.4	1,262	21.0	1.1	20.4%	11.7%
VGC	BĐS KCN	48.8	-1.60%	1.2	865	0.5	2,746	17.8	2.7	5.1%	12.5%
GVR	BĐS KCN	30.6	-6.60%	1.5	4,838	4.8	628	48.7	2.4	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	23.0	-2.30%	1.6	239	3.9	1,222	18.8	1.1	15.4%	2.3%
BMP	Vật liệu	93.6	-3.00%	1.0	303	0.7	11,420	8.2	2.9	83.3%	39.1%
IJC	Hạ tầng	14.4	-1.70%	1.6	216	1.3	865	16.7	1.2	4.6%	10.3%
DXG	BĐS	13.5	-2.50%	1.7	385	3.1	420	32.1	0.9	17.8%	1.1%
VRE	Bất động sản	20.0	0.00%	1.2	1,801	7.0	1,966	10.2	1.2	22.9%	12.4%
PDR	Bất động sản	19.4	-3.20%	1.6	671	3.0	557	34.9	1.6	8.0%	7.2%
DIG	Bất động sản	23.3	-2.90%	1.7	562	5.3	(38)	-606.9	1.9	4.2%	2.1%
HUT	Xây dựng	16.6	-1.20%	1.3	586	0.9	73	227.2	1.5	1.5%	0.7%
C4G	Xây dựng	9.1	-2.20%	1.4	-	0.2	433	21.0	0.9	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	33.9	-7.00%	1.8	148	2.7	4,797	7.1	1.0	5.3%	16.1%
DHC	Hóa chất	38.5	0.00%	1.2	122	0.2	3,461	11.1	1.6	39.8%	17.2%
DRC	Cao su	34.0	-1.00%	0.8	160	1.2	2,510	13.5	2.2	11.9%	13.2%
PC1	Điện	28.2	-2.10%	1.3	347	4.2	651	43.3	1.7	12.1%	4.1%
HDG	BĐS	27.2	-5.70%	1.3	362	9.1	2,061	13.2	1.3	15.6%	12.9%
GEX	Điện	21.8	-1.10%	1.7	735	7.7	625	35.0	1.5	8.8%	4.1%
QTP	Điện	15.1	0.70%	0.6	-	0.1	1,354	11.2	1.2	1.3%	10.8%
PLX	O&G	45.5	-1.80%	1.0	2,285	4.1	2,570	17.7	2.1	17.8%	10.7%
BSR	O&G	21.3	-4.10%	1.2	-	10.6	2,588	8.2	1.1	0.7%	15.6%
PLC	O&G	25.6	-1.20%	1.5	82	0.1	1,112	23.0	1.6	0.3%	8.4%
ANV	Thủy sản	33.0	-5.30%	1.4	174	5.6	(252)	-130.7	1.5	1.1%	1.5%
PTB	Gỗ	68.0	-2.60%	0.7	180	0.9	4,765	14.3	1.7	25.0%	10.6%
VSC	Logistics	19.6	-2.50%	1.5	207	2.5	532	36.8	1.8	2.5%	6.2%
HAH	Logistics	42.0	-0.10%	1.3	201	6.3	3,081	13.6	1.7	9.0%	12.1%
VTP	Logistics	73.1	-6.90%	1.5	352	3.8	2,980	24.5	5.5	6.9%	25.6%
DBC	Logistics	25.0	-6.90%	1.7	318	6.0	1,729	14.4	1.3	11.9%	0.5%
FRT	Bán lẻ	174.1	-1.00%	0.7	938	2.7	(2,215)	-78.6	14.1	36.0%	11.8%
QNS	Bán lẻ	48.6	-0.40%	0.6	-	1.3	6,737	7.2	2.0	15.0%	27.3%
TNG	Dệt may	23.5	-4.90%	1.2	114	2.5	1,981	11.9	1.5	19.1%	12.5%
PVT	O&G	27.2	-0.90%	1.0	382	2.7	3,150	8.6	1.2	14.0%	14.3%
DPM	Phân bón	34.6	-0.70%	1.3	534	2.3	1,372	25.2	1.2	8.1%	4.2%
REE	Tiện ích	68.3	-0.30%	1.0	1,269	3.3	4,706	14.5	1.6	49.0%	13.9%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
9	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
10	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
11	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
12	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
13	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
14	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639